

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 5 năm 2022

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Nguyễn Minh Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N Đ, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số 0, đường C, khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Nguyễn M M, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 0, đường C, khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị N Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn M M kết hôn với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Z, thành phố C, tỉnh C. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cãi, không quan tâm cuộc sống lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Lê N N, sinh ngày 07/12/2020, con chung đang sống cùng với gia đình. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn M M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn M M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M M theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N Đ và anh Nguyễn M M kết hôn với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Z, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh M được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đ xác định không còn tình cảm yêu thương anh M, hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị Đ mong muốn được ly hôn và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay nên yêu cầu được ly hôn với anh M. Đối với anh Nguyễn M M, Tòa án đã thông báo cho anh M biết về yêu cầu khởi kiện của chị Đ nhưng anh M không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Lê N N, sinh ngày 07/12/2020, con chung đang sống cùng với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, con chung là nữ và đang sống cùng với chị Đ nên để đảm bảo cho con chung được phát triển tốt về mặt tâm sinh lý do đó cần giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh M không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ xác định không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Lê Thị N Đ được ly hôn với anh Nguyễn M M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê N N, sinh ngày 07/12/2020 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh M không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14/01/2022 chị Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000811 tại Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường Z, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang